

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2020**

**NGÀNH: ĐỊA TIN HỌC**

**MÃ SỐ: 7480206**

| TT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                     | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành<br><i>Số 151a/QĐ-MĐC, ngày 09/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.</i>                         |         |
| 2  | Quyết định thành lập Ban thư ký Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành<br><i>Số 152a/QĐ-MĐC, ngày 10/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất</i>                           |         |
| 3  | Quyết định thành lập Tổ công tác Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành<br><i>Số 152b/QĐ-MĐC, ngày 10/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất</i>                          |         |
| 4  | Công văn hướng dẫn thực hiện chương trình giáo trình các môn Lý luận chính trị<br><i>Số 3056/BGDDT- GDDH ngày 19/7/2019 của Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>                                                            |         |
| 5  | Công văn về việc điều chỉnh chương trình đào tạo<br><i>Số 622/MMĐC-ĐTĐH ngày 18/11/2019 của trưởng phòng Đào tạo đại học</i>                                                                                                 |         |
| 6  | Thông tư ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.<br><i>Số 05/2020/TT-BGDDT ngày 18/3/2020 của Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i> |         |
| 7  | Công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDQPAN năm học 2019-2020<br><i>Số 3610/BGDDT-GDQPAN ngày 22/8/2019 của Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>                                                                           |         |
| 8  | Công văn rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo theo định hướng CDIO<br><i>Số 128/TB-MĐC ngày 17/3/2020 của Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất</i>                                                             |         |
| 9  | Quyết định kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2018-2023<br><i>Số 254/QĐ-MĐC ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất</i>                              |         |
| 10 | Biên bản họp hội đồng khoa học và đào tạo trường<br><i>Số 26/BBHĐKHĐT-MĐC ngày 25/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất</i>                                                                                    |         |
| 11 | Quyết định ban hành Bộ CTĐT trình độ đại học chính quy 4,5 năm của các ngành đào tạo.<br><i>Số 535/QĐ-MĐC, ngày 26/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất</i>                                                   |         |
| 12 | Biên bản họp bộ môn về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học.                                                                                                                    |         |
| 13 | Biên bản họp Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học.                                                                                         |         |
| 14 | Rà soát và bổ sung đầy đủ thông tin của tất cả các học phần thuộc khoa quản lý<br><b>(Mẫu 1)</b>                                                                                                                             |         |

|    |                                                                                                                                                               |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 15 | Quyết định ban hành Đề cương chi tiết học phần các ngành đào tạo<br><i>Số 536/QĐ-MĐC, ngày 26/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất (Mẫu 2)</i> |  |
| 16 | Đối chiếu, so sánh chương trình đào tạo 5 năm (2016); 4 năm(2018) và 4,5 năm (2020) (Mẫu 3)                                                                   |  |
| 17 | Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo<br><i>Số 537/QĐ-MĐC, ngày 26/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất (Mẫu 4)</i>               |  |
| 18 | Chương trình đào tạo (Mẫu 5)                                                                                                                                  |  |
| 19 | Kế hoạch học tập (Mẫu 6)                                                                                                                                      |  |

Số: 151a/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật  
chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Công văn số 2435/BGDĐT-GDDH ngày 12/4/2013 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về rà soát chuẩn đầu ra các ngành đào tạo và biên soạn giáo trình;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-MĐC ngày 05/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh Chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Công văn số 800/MĐC-ĐTĐH ngày 31/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc mô tả chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 3056/BGDĐT- GDĐT ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo dục các môn lý luận chính trị;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, gồm các viên chức có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Ban chỉ đạo tại Điều 1 có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành theo đúng các quy định hiện hành và được hưởng các chế độ theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB<sub>(01)</sub>.

**HIỆU TRƯỞNG**



**GS.TS Trần Thanh Hải**



**BAN CHỈ ĐẠO RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH  
ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN DUY TRÌ NGÀNH**

(Kèm theo Quyết định số 151a /QĐ-MĐC ngày 09 tháng 3 năm 2020)

| TT | Họ tên                   | Chức vụ         | Phụ trách                                 |
|----|--------------------------|-----------------|-------------------------------------------|
| 1  | GS.TS Trần Thanh Hải     | Hiệu trưởng     | Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất        |
|    |                          |                 | Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai |
|    |                          |                 | Công nghệ thông tin                       |
| 2  | GS.TS Bùi Xuân Nam       | Phó Hiệu trưởng | Khoa Cơ - Điện                            |
|    |                          |                 | Khoa Kinh tế và QTKD                      |
|    |                          |                 | Khoa Mỏ                                   |
|    |                          |                 | Khoa Môi trường                           |
| 3  | PGS.TS Triệu Hùng Trường | Phó Hiệu trưởng | Xây dựng                                  |
|    |                          |                 | Khoa Dầu khí                              |

Số: 152a/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Ban thư ký Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật  
chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Công văn số 2435/BGDĐT-GDĐH ngày 12/4/2013 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về rà soát chuẩn đầu ra các ngành đào tạo và biên soạn giáo trình;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-MĐC ngày 05/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh Chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Công văn số 800/MĐC-ĐTĐH ngày 31/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc mô tả chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 3056/BGDĐT- GDĐT ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo dục các môn lý luận chính trị;

Căn cứ Quyết định số 151a/QĐ-MĐC ngày 09/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Ban thư ký Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành của Trường Đại học Mở - Địa chất, gồm các viên chức có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Ban thư ký tại Điều 1 có nhiệm vụ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành theo đúng các quy định hiện hành và được hưởng các chế độ theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

### Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB<sub>(01)</sub>.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải



**BAN THƯ KÝ RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH  
ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN DUY TRÌ NGÀNH**

(Kèm theo Quyết định số 152a /QĐ-MĐC ngày 10 tháng 3 năm 2020)

| TT                    | Họ tên                   | Chức vụ         | Đơn vị                            |
|-----------------------|--------------------------|-----------------|-----------------------------------|
| 1                     | PGS.TS. Nguyễn Đức Khoát | Trưởng ban      | Trưởng phòng Đào tạo Đại học      |
| 2                     | TS. Phạm Văn Tuấn        | Phó trưởng ban  | Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng   |
| 3                     | TS. Nguyễn Thế Lộc       | Ủy viên, thư ký | Phó trưởng phòng Đào tạo Đại học  |
| 4                     | ThS. Phạm Thị Thu Thủy   | Ủy viên         | Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính |
| 5-16. Trưởng các Khoa |                          |                 |                                   |

Số: 152b/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập Tổ công tác Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật  
chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Công văn số 2435/BGDĐT-GDDH ngày 12/4/2013 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về rà soát chuẩn đầu ra các ngành đào tạo và biên soạn giáo trình;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-MĐC ngày 05/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh Chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Công văn số 800/MĐC-ĐTĐH ngày 31/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc mô tả chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 3056/BGDĐT- GDĐT ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo dục các môn lý luận chính trị;

Căn cứ Quyết định số 151a /QĐ-MĐC ngày 09/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban chỉ đạo Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo và điều kiện duy trì ngành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Tổ công tác Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành của Trường Đại học Mở - Địa chất, gồm các viên chức có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Tổ công tác tại Điều 1 có nhiệm vụ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, điều kiện duy trì ngành theo đúng các quy định hiện hành và được hưởng các chế độ theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

### Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(01).

**HIỆU TRƯỞNG**



**GS.TS Trần Thanh Hải**



**DANH SÁCH**

**CÁC TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO  
TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN DUY TRÌ NGÀNH**

(Kèm theo Quyết định số 152b/QĐ-MĐC ngày 10 tháng 3 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

| Tổ | Thành viên các tổ       | Nhiệm vụ   | Mã ngành | Bậc |
|----|-------------------------|------------|----------|-----|
| 1  | Nguyễn Thị Kim Ngân     | Tổ trưởng  | 7340101  | ĐH  |
|    | Đào Anh Tuấn            | Tổ Phó     |          |     |
|    | Lê Minh Thông           | Thành viên |          |     |
|    | Đông Thị Bích           | Thành viên |          |     |
|    | Nguyễn Thanh Thủy       | Thành viên |          |     |
|    | Nguyễn Thị Hoài Nga     | Thành viên |          |     |
|    | Nguyễn Lan Hoàng Thảo   | Thành viên |          |     |
|    | Lê Đình Chiểu           | Thành viên |          |     |
|    | Nguyễn Thu Hà           | Thành viên |          |     |
| 2  | Nguyễn Thị Kim Oanh     | Tổ trưởng  | 7340301  | ĐH  |
|    | Phạm Thị Hồng Hạnh      | Tổ phó     |          |     |
|    | Nguyễn Tiến Hưng        | Thành viên |          |     |
|    | Phạm Thu Hương          | Thành viên |          |     |
|    | Phạm Minh Hải           | Thành viên |          |     |
|    | Nguyễn Thị Minh Thu     | Thành viên |          |     |
|    | Nguyễn Thị Huyền Trang  | Thành viên |          |     |
|    | Hoàng Thị Thuý          | Thành viên |          |     |
|    | Phạm Thu Trang          | Thành viên |          |     |
| 3  | Bùi Thị Thu Thủy        | Tổ trưởng  | 7340201  | ĐH  |
|    | Phí Thị Kim Thư         | Tổ phó     |          |     |
|    | Lưu Thị Thu Hà          | Thành viên |          |     |
|    | Dương Thị Nhân          | Thành viên |          |     |
|    | Lê Thị Thu Hồng         | Thành viên |          |     |
|    | Phan Minh Quang         | Thành viên |          |     |
|    | Nguyễn Thị Bích Ngọc    | Thành viên |          |     |
|    | Nguyễn Thị Hồng Loan    | Thành viên |          |     |
|    | Nguyễn Thanh Thảo       | Thành viên |          |     |
| 4  | PGS.TS Nguyễn Văn Xô    | Tổ trưởng  | 7520103  | ĐH  |
|    | TSTrần Đức Huân         | Tổ Phó     |          |     |
|    | ThS Nguyễn Thanh Tùng   | Thành viên |          |     |
|    | ThS Phạm Thị Thủy       | Thành viên |          |     |
|    | TS Phạm Đức Thiên       | Thành viên |          |     |
|    | ThS Nguyễn Văn Lại      | Thành viên |          |     |
|    | ThS Nguyễn Thế Hoàng    | Thành viên |          |     |
|    | ThS Trần Việt Linh      | Thành viên |          |     |
|    | ThS Phạm Văn Tiến       | Thành viên |          |     |
| 5  | PGS.TS Đỗ Như Ý         | Tổ trưởng  | 7520201  | ĐH  |
|    | TS Nguyễn Thạc Khánh    | Tổ phó     |          |     |
|    | TS Hồ Việt Bun          | Thành viên |          |     |
|    | TS Ngô Thanh Tuấn       | Thành viên |          |     |
|    | PGS.TS Phạm Trung Sơn   | Thành viên |          |     |
|    | TS Lê Xuân Thành        | Thành viên |          |     |
|    | ThS Kim Thị Cẩm Ánh     | Thành viên |          |     |
|    | ThS Nguyễn Tiến Sĩ      | Thành viên |          |     |
|    | ThS Nguyễn Thị Bích Hậu | Thành viên |          |     |

|    |                         |            |         |    |
|----|-------------------------|------------|---------|----|
| 6  | PGS.TS Khổng Cao Phong  | Tổ trưởng  | 7520216 | ĐH |
|    | TS. Đặng Văn Chí        | Tổ phó     |         |    |
|    | PGS.TS Nguyễn Đức Khoát | Thành viên |         |    |
|    | TS. Phạm Thị Thanh Loan | Thành viên |         |    |
|    | ThS Thái Hải Âu         | Thành viên |         |    |
|    | ThS Uông Quang Tuyền    | Thành viên |         |    |
|    | TS. Đào Hiếu            | Thành viên |         |    |
|    | ThS Nguyễn Thế Lực      | Thành viên |         |    |
|    | ThS Phan Thị Mai Phương | Thành viên |         |    |
| 7  | Nguyễn Tiến Dũng        | Tổ trưởng  | 7520501 | ĐH |
|    | Bùi Trường Sơn          | Tổ phó     |         |    |
|    | Nguyễn Bách Thảo        | Thành viên |         |    |
|    | Bùi Hoàng Bắc           | Thành viên |         |    |
|    | Lương Quang Khang       | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Thị Thanh Thảo   | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Văn Hùng         | Thành viên |         |    |
|    | Vũ Thu Hiền             | Thành viên |         |    |
|    | Đỗ Mạnh An              | Thành viên |         |    |
| 8  | Trần Thanh Hải          | Tổ trưởng  | 7440201 | ĐH |
|    | Ngô Xuân Thành          | Tổ phó     |         |    |
|    | Tô Xuân Bản             | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Quốc Hưng        | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Thị Vân Anh        | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Hữu Hiệp         | Thành viên |         |    |
|    | Ngô Thị Kim Chi         | Thành viên |         |    |
|    | Lê Thị Thu              | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Bách Thảo        | Thành viên |         |    |
| 9  | Bùi Trường Sơn          | Tổ trưởng  | 7580211 | ĐH |
|    | Nguyễn Thị Nu           | Tổ phó     |         |    |
|    | Nguyễn Văn Phóng        | Thành viên |         |    |
|    | Nhữ Việt Hà             | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Minh Tuấn          | Thành viên |         |    |
|    | Dương Thị Thanh Thủy    | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Văn Hùng         | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Bách Thảo        | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Thị Ngọc Hà        | Thành viên |         |    |
| 10 | Nguyễn Việt Hà          | Tổ trưởng  | 7520503 | ĐH |
|    | Nguyễn Gia Trọng        | Tổ phó     |         |    |
|    | Lê Đức Tinh             | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Quốc Khánh         | Thành viên |         |    |
|    | Bùi Ngọc Quý            | Thành viên |         |    |
|    | Đỗ Thị Phương Thảo      | Thành viên |         |    |
|    | Trần Trung Anh          | Thành viên |         |    |
|    | Trần Văn Anh            | Thành viên |         |    |
|    | Dương Thành Trung       | Thành viên |         |    |
|    | Lưu Anh Tuấn            | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Quốc Long        | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Văn Chung          | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Thế Huynh          | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Thế Công         | Thành viên |         |    |
|    | Lê Thị Thanh Tâm        | Thành viên |         |    |

157  
ĐẠI  
HỌC

|    |                      |            |         |    |
|----|----------------------|------------|---------|----|
| 11 | Trần Thùy Dương      | Tổ trưởng  | 7850103 | ĐH |
|    | Nguyễn Thị Kim Yến   | Tổ phó     |         |    |
|    | Phạm Thế Huỳnh       | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Thế Công      | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Thị Kim Thoa    | Thành viên |         |    |
|    | Đặng Thị Hoàng Nga   | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Thị Dung      | Thành viên |         |    |
|    | Trần Xuân Miến       | Thành viên |         |    |
|    | Phùng Minh Sơn       | Thành viên |         |    |
|    | Đinh Hải Nam         | Thành viên |         |    |
|    | Trần Đình Thành      | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Thị Hiền      | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Văn Sáng      | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Quang Minh    | Thành viên |         |    |
| 12 | Công Ngọc Thắng      | Tổ trưởng  | 7510401 | ĐH |
|    | Nguyễn Thị Linh      | Tổ phó     |         |    |
|    | Ngô Hà Sơn           | Thành viên |         |    |
|    | Ngô Thanh Hải        | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Xuân Núi        | Thành viên |         |    |
|    | Vũ Văn Toàn          | Thành viên |         |    |
|    | Tổng Thị Thanh Hương | Thành viên |         |    |
|    | Bùi Thị Lệ Thủy      | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Trung Kiên      | Thành viên |         |    |
| 13 | Công Ngọc Thắng      | Tổ trưởng  | 7520301 | ĐH |
|    | Nguyễn Thị Linh      | Tổ phó     |         |    |
|    | Ngô Hà Sơn           | Thành viên |         |    |
|    | Ngô Thanh Hải        | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Xuân Núi        | Thành viên |         |    |
|    | Vũ Văn Toàn          | Thành viên |         |    |
|    | Tổng Thị Thanh Hương | Thành viên |         |    |
|    | Bùi Thị Lệ Thủy      | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Trung Kiên      | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Tuấn Cường      | Thành viên |         |    |
|    | Công Tiến Dũng       | Thành viên |         |    |
|    | Vũ Kim Thư           | Thành viên |         |    |
|    | Dương Thủy Hương     | Thành viên |         |    |
|    | Lê Đắc Tuyên         | Thành viên |         |    |
| 14 | Nguyễn Thế Vinh      | Tổ trưởng  | 7520604 | ĐH |
|    | Nguyễn Văn Thịnh     | Tổ phó     |         |    |
|    | Lê Ngọc Ánh          | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Tiến Hùng     | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Minh Hòa      | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Khắc Long     | Thành viên |         |    |
|    | Bùi Thị Ngân         | Thành viên |         |    |
|    | Lê Văn Nam           | Thành viên |         |    |
|    | Vũ Cúc Phương        | Thành viên |         |    |
| 15 | Phan Thiên Hương     | Tổ trưởng  | 7520502 | ĐH |
|    | Kiều Duy Thông       | Tổ phó     |         |    |
|    | Trần Danh Hùng       | Thành viên |         |    |
|    | Vũ Hồng Dương        | Thành viên |         |    |
|    | Dương Văn Hào        | Thành viên |         |    |
|    | Phan Thị Hồng        | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Ngọc Kiên       | Thành viên |         |    |
|    | Trần Văn Hữu         | Thành viên |         |    |
|    | Lê Khánh Phấn        | Thành viên |         |    |

IG  
HOC  
ACH

|    |                         |            |         |    |
|----|-------------------------|------------|---------|----|
| 16 | Đặng Trung Thành        | Tổ trưởng  | 7580201 | ĐH |
|    | Nguyễn Văn Mạnh         | Tổ phó     |         |    |
|    | Vũ Minh Ngan            | Thành viên |         |    |
|    | Đỗ Ngọc Anh             | Thành viên |         |    |
|    | Đặng Văn Kiên           | Thành viên |         |    |
|    | Bùi Văn Đức             | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Đức Thọ            | Thành viên |         |    |
|    | Đào Việt Đoàn           | Thành viên |         |    |
|    | Trần Tuấn Minh          | Thành viên |         |    |
| 17 | Đỗ Văn Bình             | Tổ trưởng  | 7520320 | ĐH |
|    | Phan Quang Văn          | Tổ phó     |         |    |
|    | Đào Đình Thuận          | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Quốc Phi         | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Hoàng Nam        | Thành viên |         |    |
|    | Đỗ Văn Nhuận            | Thành viên |         |    |
|    | Trần Thị Thanh Thủy     | Thành viên |         |    |
|    | Trần Thị Thu Hương      | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Văn Dũng         | Thành viên |         |    |
| 18 | TS Nguyễn Cao Khải      | Tổ trưởng  | 7520601 | ĐH |
|    | TS. Trần Quang Hiếu     | Tổ phó     |         |    |
|    | TS. Nguyễn Văn Thịnh    | Thành viên |         |    |
|    | TS. Vũ Thái Tiến Dũng   | Thành viên |         |    |
|    | TS. Bùi Mạnh Tùng       | Thành viên |         |    |
|    | TS. Phạm Đức Hưng       | Thành viên |         |    |
|    | TS. Nguyễn Anh Tuấn     | Thành viên |         |    |
|    | TS. Lê Thị Thu Hoa      | Thành viên |         |    |
|    | TS. Nguyễn Đình An      | Thành viên |         |    |
| 19 | PGS.TS Nhữ Thị Kim Dung | Tổ trưởng  | 7520607 | ĐH |
|    | PGS.TS Phạm Văn Luận    | Tổ phó     |         |    |
|    | PGS.TS Nguyễn Hoàng Sơn | Thành viên |         |    |
|    | TS Trần Trung Tới       | Thành viên |         |    |
|    | ThS Nguyễn Ngọc Phú     | Thành viên |         |    |
|    | ThS Vũ Thị Chính        | Thành viên |         |    |
|    | ThS Trần Văn Được       | Thành viên |         |    |
|    | ThS Phùng Tiến Thuật    | Thành viên |         |    |
|    | ThS Phạm Thị Nhung      | Thành viên |         |    |
| 20 | Lê Hồng Anh             | Tổ trưởng  | 7480201 | ĐH |
|    | Nguyễn Thị Mai Dung     | Tổ phó     |         |    |
|    | Dương Thị Hiền Thanh    | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Thu Hằng         | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Duy Huy          | Thành viên |         |    |
|    | Lê Văn Hưng             | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Thế Lộc          | Thành viên |         |    |
|    | Hoàng Anh Đức           | Thành viên |         |    |
|    | Diêm Công Hoàng         | Thành viên |         |    |
|    | Trần Thị Thu Thúy       | Thành viên |         |    |
|    | Đào Thị Thu Vân         | Thành viên |         |    |
|    | Bùi Thị Văn Anh         | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Thị Hải Yến      | Thành viên |         |    |
|    | Nguyễn Hoàng Long       | Thành viên |         |    |
|    | Đặng Văn Nam            | Thành viên |         |    |

|    |                     |            |         |    |
|----|---------------------|------------|---------|----|
| 21 | Trần Trung Anh      | Tổ trưởng  | 7480206 | ĐH |
|    | Nguyễn Văn Trung    | Tổ phó     |         |    |
|    | Trần Trung Chuyên   | Thành viên |         |    |
|    | Trần Hồng Hạnh      | Thành viên |         |    |
|    | Trần Thanh Hà       | Thành viên |         |    |
|    | Trần Văn Anh        | Thành viên |         |    |
|    | Phạm Thị Thanh Hòa  | Thành viên |         |    |
|    | Lê Thanh Nghi       | Thành viên |         |    |
|    | Đoàn Thị Nam Phương | Thành viên |         |    |



+ Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ.

b) Chương trình các môn LLCT trong các chương trình đào tạo của ngành chuyên về LLCT:

- Thời lượng: 14 tín chỉ;

- Các môn học cụ thể:

+ Triết học Mác – Lênin: 4 tín chỉ;

+ Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 3 tín chỉ;

+ Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ;

+ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 tín chỉ;

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ.

### 1.2. Phương pháp dạy học

- Khuyến khích hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu trước, chỉ giảng những vấn đề cơ bản và sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy các môn LLCT; tăng cường xêmina và tham quan thực tế.

- Tổ chức hội thảo, rút kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy từng môn học LLCT và khuyến khích các giảng viên thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu về đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập các bộ môn LLCT nhằm từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và học tập các môn học này theo chương trình, giáo trình mới.

## **2. Công tác chỉ đạo, quản lý giảng dạy và học tập các môn khoa học Lý luận chính trị**

2.1. Các cơ sở giáo dục đại học chủ động xây dựng đội ngũ giảng viên các môn LLCT, thực hiện Thông báo số 363-TB/BTGTW ngày 31/5/2019 của Ban Tuyên giáo Trung ương, theo hướng “*giảng viên được đào tạo chuyên ngành nào, giảng dạy môn học đó, xây dựng đội ngũ giảng viên riêng cho từng môn học*”, bảo đảm biên chế giảng viên theo từng môn học phù hợp với quy mô, cơ cấu và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu của các môn học LLCT; xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên cơ hữu các môn LLCT đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo chương trình, giáo trình mới và nhu cầu thực tế của cơ sở đào tạo.

2.2. Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 494/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về “phê duyệt Đề án một số biện pháp nâng cao

chất lượng và hiệu quả giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng, môn Chính trị trong các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề”, đặc biệt là công tác chỉ đạo, quản lý giảng dạy các bộ môn LLCT, chế độ chính sách đối với giảng viên các bộ môn LLCT và sinh viên học tập các bộ môn này.

Giảng viên giảng dạy các bộ môn LLCT phải có trách nhiệm tham gia nghiên cứu khoa học, thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, tham gia các hoạt động chính trị - xã hội của nhà trường, được tạo điều kiện đi nghiên cứu thực tế, dự các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Sinh viên học tập các môn LLCT phải được đi thực tế, thực tập theo yêu cầu kế hoạch đào tạo.

2.3. Để bảo đảm chất lượng giảng dạy và học tập các môn LLCT theo chương trình, giáo trình mới, trên cơ sở các quy định hiện hành về các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học cần quy định cụ thể về:

- Tỷ lệ giảng viên các môn LLCT trên tổng số sinh viên theo học;
- Thời gian giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên LLCT;
- Kế hoạch dạy học cụ thể các môn LLCT trong toàn khoá học theo quy định của chương trình các môn LLCT được phê duyệt, phù hợp với trình độ nhận thức của sinh viên và đảm bảo tính logic của kiến thức giữa các môn học LLCT.

### **3. Tổ chức thực hiện**

Để đảm bảo thực hiện tốt chương trình, giáo trình các môn LLCT, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học thực hiện tốt các nội dung sau:

- Thực hiện nghiêm túc cấu trúc chương trình các môn LLCT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành trước khi tổ chức triển khai đào tạo từ khoá tuyển sinh năm 2019 – 2020;
- Chủ động chuẩn bị các điều kiện bảo đảm chất lượng dạy học, đặc biệt là tổ chức, sắp xếp đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn LLCT đáp ứng chương trình, giáo trình mới theo hướng dẫn tại Công văn này.

- Sau khi giảng viên các môn LLCT hoàn thành tham gia các lớp bồi dưỡng (dự kiến đầu tháng 8 năm 2019), chỉ đạo giảng viên biên soạn bài giảng, tổ chức thảo luận, trao đổi trong khoa/bộ môn để thực hiện tốt chương trình.

Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo để các cơ sở giáo dục đại học biết và tổ chức thực hiện. Chi tiết xin liên hệ: Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Đại học), số điện thoại 024 36895144 (máy lẻ 768); hoặc email: [nmhung@moet.gov.vn](mailto:nmhung@moet.gov.vn).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban Tuyên giáo TW (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ GDDH.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**Thứ trưởng**



**Lê Hải An**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Số: 622 / MĐC- ĐTDH  
Vv điều chỉnh chương trình đào tạo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2019

Kính gửi:

- Ban chủ nhiệm các Khoa;
- Ban chủ nhiệm các Bộ môn;
- Giáo viên chủ nhiệm;
- Ban chủ nhiệm khoa Lý luận chính trị
- Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên;
- Sinh viên khóa 64.

Phòng Đào tạo Đại học thông báo về việc điều chỉnh các học phần học thuộc kiến thức chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội như sau:

**Các học phần thay đổi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 (7020102) – 2TC
- Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 (7020103) – 3TC
- Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (7020301) – 3TC

**Được thay thế bằng các học phần**

- Triết học Mác – Lênin (7020105) – 3TC
- Kinh tế chính trị Mác – Lênin (7020302) – 2TC
- Chủ nghĩa xã hội khoa học (7020202) – 2TC
- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (7020303) – 2TC

Các học phần này được áp dụng từ K64

Đề nghị Ban chủ nhiệm các Khoa, Ban chủ nhiệm các Bộ môn, Giáo viên chủ nhiệm và Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên thông báo cho sinh viên thuộc đơn vị mình quản lý thực hiện nghiêm túc thông báo này./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- BGH (để b/c);
- Thông báo bằng tin, Website ĐTDH;
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, ĐTDH<sub>(8)</sub>.

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**



PGS.TS Nguyễn Đức Khoát

6

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3610/BGDDĐT-GDQPAN

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2019

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ  
GDQPAN năm học 2019-2020

|                              |                                                                                                                                                                                             |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC MÔ - ĐỊA CHẤT |                                                                                                                                                                                             |
| Số: <u>469</u>               | Kính gửi: - Các sở giáo dục và đào tạo;<br>- Các đại học, học viện, trường đại học;<br>- Các trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm;<br>- Các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh. |
| ĐẾN Ngày: <u>22/8/19</u>     |                                                                                                                                                                                             |
| Chuyển: <u>P. ĐTDH</u>       |                                                                                                                                                                                             |

K. GD&P

*Huutha*  
Thực hiện Chỉ thị số 2268/CT-BGDDĐT ngày 08/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2019-2020 của ngành giáo dục; Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các sở giáo dục và đào tạo, các đại học, học viện, trường đại học; các trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQPAN) năm học 2019-2020 như sau:

### I. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

1. Tiếp tục quán triệt thực hiện kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo (GDĐT) và triển khai thực hiện Luật GDQPAN năm 2013, Quyết định số 1911/QĐ-TTg ngày 18/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật GDQPAN; Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật GDQPAN.

2. Tập trung nghiên cứu 9 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 5 nhóm giải pháp cơ bản gắn với Chỉ thị số 2268/CT-BGDDĐT ngày 08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để triển khai thực hiện nhiệm vụ GDQPAN cho học sinh, sinh viên và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên trong từng đơn vị, nhà trường có hiệu quả.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý đảm bảo đủ số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu, chất lượng đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu dạy học.

4. Tổ chức triển khai giảng dạy lồng ghép GDQPAN theo Thông tư số 01/2017/TT-BGDDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn GDQPAN trong trường tiểu học, trung học cơ sở; triển khai và tiếp tục

rà soát, sửa đổi bổ sung: Thông tư 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình GDQPAN trong trường trung học phổ thông và Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình GDQPAN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

5. Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu trong dạy và học môn học GDQPAN theo Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/1/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học GDQPAN trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

6. Tăng cường quản lý học sinh, sinh viên, đặc biệt trong đợt học tập trung, trải nghiệm quốc phòng và an ninh, đảm bảo chặt chẽ; tổ chức hoạt động phù hợp, thiết thực với từng đối tượng, lứa tuổi. Không để xảy ra mất an toàn về con người và vũ khí trang bị. Tăng cường công tác kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng trong dạy học môn GDQPAN.

#### 7. Công tác quân sự, quốc phòng, an ninh

Thực hiện nghiêm Quy chế của Ban Chỉ huy quân sự và công tác quốc phòng, quân sự, công tác an ninh tại các cơ quan, đơn vị, nhà trường trực thuộc Bộ. Duy trì nghiêm các chế độ giao ban, sơ kết, tổng kết và báo cáo Ban chỉ huy quân sự Bộ đúng quy định. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch trong các tình huống khi bị địch tiến công hoà lực, kế hoạch chiến đấu bảo vệ cơ quan, đơn vị, phương án cơ động sơ tán, các kế hoạch phòng chống khủng bố, phòng chống tội phạm, phòng cháy, chữa cháy... trong cơ quan thuộc sở giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục và đào tạo; tổ chức hội thao, tập huấn, huấn luyện lực lượng tự vệ theo quy định.

## II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

### 1. Đối với các sở giáo dục và đào tạo

- Chỉ đạo cơ quan, đơn vị chức năng, các trường xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai giảng dạy lồng ghép GDQPAN trong các trường tiểu học, trung học cơ sở theo Thông tư số 01/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn GDQPAN trong trường tiểu học, trung học cơ sở; Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình GDQPAN trong trường trung học phổ thông.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện Thông tư số 02 nếu gặp khó khăn báo cáo Hội đồng GDQPAN tỉnh, thành phố sau đó báo cáo Bộ GDĐT xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

- Trong thời gian chờ Bộ ban hành sách giáo khoa mới, các trường vẫn tổ

chức dạy học theo sách giáo khoa hiện hành để tổ chức dạy học môn GDQPAN, bổ sung những nội dung mới đã được tập huấn.

- Các trường dạy theo phân phối chương trình. Nếu dạy tập trung dứt điểm trong thời gian thích hợp trong năm học phải được sự đồng ý của Bộ.

- Các sở giáo dục và đào tạo cần phối hợp với các cơ quan có liên quan, các trường đào tạo giáo viên GDQPAN xây dựng quy hoạch, sử dụng hợp lý, hiệu quả số sinh viên, giáo viên văn bằng 2 sau tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu cơ cấu, chất lượng đạt chuẩn theo quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý đảm bảo hiệu quả và chất lượng đối với đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

- Tổ chức tốt Hội thao GDQPAN cấp trường, cấp sở.

## 2. Đối với các trường trung cấp sư phạm

Quản lý chặt chẽ nội dung, thời gian quy định trong chương trình GDQPAN, khuyến khích các trường có thể phối hợp với các đơn vị quân đội, trung tâm GDQPAN trên địa bàn để liên kết dạy học môn học bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

## 3. Đối với các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng sư phạm và các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Tổ chức triển khai đào tạo theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình GDQPAN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học. Trong quá trình tổ chức đào tạo thực hiện Thông tư 03 nếu gặp khó khăn báo cáo Hội đồng GDQPAN quân khu, sau đó báo cáo Bộ GDĐT xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

- Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng dạy và học môn học GDQPAN, đánh giá kết quả học tập và cấp chứng chỉ hoàn thành môn học cho sinh viên theo Thông tư Liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTĐBXH ngày 18/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQPAN trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.

- Quán triệt và thực hiện nghiêm Thông tư liên tịch số 123/2015 TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTĐBXH ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm GDQPAN; liên kết GDQPAN của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học.

- Các cơ sở giáo dục được giao tự chủ môn học GDQPAN phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện tự chủ như: nơi ăn ở sinh hoạt tập trung, giảng đường chuyên dùng, thao trường, bãi tập, thiết bị dạy học,... mới được phép giảng dạy. Các cơ sở chưa có điều kiện hoặc không đủ điều kiện thì phải phối hợp, liên kết với các trung tâm GDQPAN, đơn vị quân đội để tổ chức đào tạo, đảm bảo chất lượng môn học GDQPAN.

- Tăng cường rà soát, bổ sung điều chỉnh quy định tổ chức hoạt động dạy học môn GDQPAN đảm bảo chặt chẽ, trên cơ sở vận dụng các chế độ, quy định của quân đội, theo nếp sống quân sự, đặc biệt duy trì nghiêm chế độ, nề nếp, kỷ luật, tuần tra, canh gác, trực ban, trực chỉ huy không để xảy ra mất an toàn về người, phương tiện, trang thiết bị, vũ khí theo Hướng dẫn số 2589/BGĐĐT-GDQPAN ngày 14/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường tổ chức, quản lý sinh viên tại các cơ sở giáo dục, đào tạo GDQPAN.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm quốc phòng, an ninh thiết thực, khoa học, phù hợp với đối tượng, lứa tuổi học sinh, sinh viên.

- Thực hiện nghiêm Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Bộ Quốc phòng về tuyển chọn nam sinh viên tốt nghiệp đại học đi đào tạo sĩ quan dự bị năm 2020. Các trường được giao chỉ tiêu cần làm tốt công tác tuyển truyền cho sinh viên và lựa chọn những sinh viên có đủ sức khỏe, học lực khá để bảo đảm kế hoạch chỉ tiêu được giao.

- 4. Ban chỉ huy quân sự các cấp thường xuyên kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức Hội nghị tổng kết năm học 2019 - 2020 về GDQPAN đối với các cơ sở giáo dục đại học tự chủ, các trung tâm GDQPAN; Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy học môn GDQPAN của các cơ sở giáo dục đại học, trung tâm GDQPAN, nếu không đủ điều kiện Bộ sẽ không cho phép đào tạo.

6. Các sở giáo dục và đào tạo; các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, trung tâm GDQPAN thực hiện nghiêm các chế độ báo cáo:

- + Học kỳ I: Trước ngày 25/1/2020;
- + Kết thúc năm học: Trước ngày 10/6/2020;
- + Báo cáo năm học kèm theo báo cáo nhận xét thi đua năm học.

Báo cáo gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh) số 35, Đại Cồ Việt, Hà Nội. *pham*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (để phối hợp);
- Cơ quan Thường trực Hội đồng GDQP&AN TW;
- Lưu: VT, Vụ GDQPAN.



Số: *05* /2020/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày *18* tháng *3* năm 2020

**THÔNG TƯ**

**Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học**

*Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh;*

*Theo Biên bản thẩm định ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng thẩm định Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh;*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

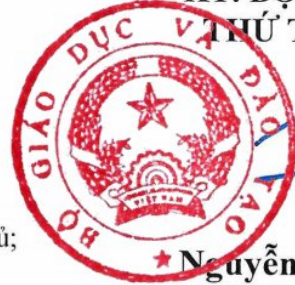
**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và thay thế Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng trường đại học; Hiệu trưởng các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm; Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. / *Phạm*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGDĐTNTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Hội đồng GDQP&AN Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Như Điều 3;
- Website Chính phủ; Website Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDQPAN.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**  
  
*Nguyễn Văn Phúc*  
**★ Nguyễn Văn Phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH**

**Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm,  
cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05 /2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**I. MỤC TIÊU**

1. Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và trường đại học, học viện, đại học, đại học quốc gia, đại học vùng (sau đây gọi là cơ sở giáo dục đại học) là môn học chính khóa.

2. Học sinh có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

3. Sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

**II. YÊU CẦU**

1. Học sinh trung cấp sư phạm sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thành



thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.

### III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG TRƯỜNG TRUNG CẤP SƯ PHẠM, CAO ĐẲNG SƯ PHẠM VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Căn cứ mục tiêu đào tạo và yêu cầu của môn học, chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học gồm 4 học phần với tổng thời lượng 165 tiết.

#### 1. Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

| Số TT | Nội dung                                                                                                  | Thời gian (tiết) |           |           |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|-----------|
|       |                                                                                                           | Tổng Số tiết     | Lý thuyết | Thảo luận |
| 1     | Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học                                                       | 2                | 2         |           |
| 2     | Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc | 4                | 2         | 2         |
| 3     | Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa               | 4                | 4         |           |
| 4     | Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa                                             | 4                | 4         |           |
| 5     | Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân                                                                      | 4                | 4         |           |
| 6     | Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại                        | 4                | 4         |           |
| 7     | Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam                                                | 6                | 4         | 2         |
| 8     | Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới                            | 4                | 4         |           |
| 9     | Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng                      | 6                | 4         | 2         |
| 10    | Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc                                                       | 4                | 2         | 2         |
| 11    | Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội                          | 3                | 3         |           |
|       | <b>Cộng</b>                                                                                               | <b>45</b>        | <b>37</b> | <b>8</b>  |

*Phạm*

## 2. Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh

| Số TT | Nội dung                                                                                                                                               | Thời gian (tiết) |           |           |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|-----------|
|       |                                                                                                                                                        | Tổng Số tiết     | Lý thuyết | Thảo luận |
| 1     | Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam                                      | 4                | 4         |           |
| 2     | Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam | 6                | 4         | 2         |
| 3     | Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường                                                                                                    | 4                | 4         |           |
| 4     | Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông                                                                                   | 4                | 4         |           |
| 5     | Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác                                                                            | 4                | 2         | 2         |
| 6     | An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng                                                                               | 4                | 2         | 2         |
| 7     | An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam                                                                         | 4                | 2         | 2         |
|       | <b>Cộng</b>                                                                                                                                            | <b>30</b>        | <b>22</b> | <b>8</b>  |

## 3. Học phần III: Quân sự chung

| Số TT | Nội dung                                                             | Thời gian (tiết) |           |           |
|-------|----------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|-----------|
|       |                                                                      | Tổng Số tiết     | Lý thuyết | Thực hành |
| 1     | Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần           | 2                | 2         |           |
| 2     | Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại | 2                | 2         |           |
| 3     | Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội               | 4                | 4         |           |
| 4     | Điều lệnh đội ngũ từng người có súng                                 | 4                |           | 4         |
| 5     | Điều lệnh đội ngũ đơn vị                                             | 4                |           | 4         |
| 6     | Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự                           | 4                | 2         | 2         |
| 7     | Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao         | 4                | 2         | 2         |
| 8     | Ba môn quân sự phối hợp                                              | 6                | 2         | 4         |
|       | <b>Cộng</b>                                                          | <b>30</b>        | <b>14</b> | <b>16</b> |

*Nguyễn*

#### 4. Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

| Số TT | Nội dung                                                                              | Thời gian (tiết) |           |           |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|-----------|
|       |                                                                                       | Tổng Số tiết     | Lý thuyết | Thực hành |
| 1     | Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK                                                        | 24               | 2         | 22        |
| 2     | Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1 | 8                | 2         | 6         |
| 3     | Từng người trong chiến đấu tiến công                                                  | 16               |           | 16        |
| 4     | Từng người trong chiến đấu phòng ngự                                                  | 8                |           | 8         |
| 5     | Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)                                          | 4                |           | 4         |
|       | <b>Cộng</b>                                                                           | <b>60</b>        | <b>4</b>  | <b>56</b> |

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học thống nhất dùng để giảng dạy học sinh, sinh viên hệ chính quy và không chính quy trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học; cơ sở giáo dục đại học liên kết đào tạo với nước ngoài.

Đào tạo trình độ trung cấp sư phạm học 02 học phần, thời lượng 75 tiết, gồm Học phần I Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam và Học phần III Quân sự chung.

Đào tạo liên thông từ trung cấp sư phạm lên cao đẳng, đại học học bổ sung 02 học phần, thời lượng 90 tiết gồm Học phần II Công tác quốc phòng và an ninh và Học phần IV Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.

Đào tạo trình độ cao đẳng, đại học học đủ 04 học phần.

Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học không áp dụng đối với đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành trong quân đội, công an và chuyên ngành giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Thiết bị dạy học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và các cơ sở giáo dục đại học và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học đặc thù, tổng thời lượng của chương trình là 165 tiết (gồm 04 học phần). Căn cứ vào chương trình này các cơ sở giáo dục và đào tạo xây dựng kế hoạch giảng dạy bảo đảm đủ thời gian cho các hoạt

động đào tạo theo quy định hiện hành, phù hợp với quy trình, tiến trình và hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ hay niên chế học phần, thời gian quy định trong chương trình không bao gồm thời gian ôn thi, kiểm tra.

4. Đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo các quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh.

5. Trong khóa học giáo dục quốc phòng và an ninh, căn cứ vào tình hình thực tế, các trường tổ chức cho học sinh, sinh viên đi tham quan, học tập thực tế tại bảo tàng lịch sử quân sự, lực lượng vũ trang hoặc các đơn vị, nhà trường quân đội, công an trên địa bàn.

Phạm

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Phúc

Số: 128 /TB-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2020

### THÔNG BÁO

#### Về việc rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo theo định hướng CDIO

Tiếp theo các công văn số 126/TB-MĐC, 358/TB-MĐC, 605/TB-MĐC về việc rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo.

Căn cứ kết luận của HĐKH&ĐT Nhà Trường ngày 06/3/2020

Nhà trường đề nghị các đơn vị:

1. Rà soát và bổ sung đầy đủ thông tin của tất cả các học phần thuộc **khoa quản lý (Mẫu 1)**
2. Cập nhật thông tin đề cương chi tiết từng học phần đối với các học phần đầu 7 thuộc khoa quản lý (**Mẫu 2**)
3. Cập nhật lại bảng so sánh chương trình đào tạo 4 năm với 5 năm theo từng chuyên ngành của khoa chuyên ngành. (**Mẫu 3**)
4. Chuẩn hóa chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo đối với Chương trình đào tạo 4 năm (**Mẫu 4**)
5. Rà soát chương trình đào tạo 4 năm và đưa ra định hướng chọn học phần tự chọn của các nhóm tự chọn đối với từng ngành thuộc Khoa quản lý (**CTDT\_4 năm ra soát, định hướng Tự chọn A, B, C**)
6. Hoàn thiện bộ chương trình đào tạo hoàn chỉnh. (**Mẫu 5**)
7. Bổ sung sơ đồ trình tự các học phần theo đặc thù của ngành/ chuyên ngành, học phần học trước, sau... (**Mẫu 6**)
8. Nộp phòng Đào tạo Đại học trước **17h ngày 10/04/2020** (Bản giấy gửi A. Dũng – Phòng C2.02, File mềm gửi về email: [nguyenquocdung@humg.edu.vn](mailto:nguyenquocdung@humg.edu.vn))

#### Chú ý:

- Đề cương chi tiết: DC\_Mã học phần. docx (Ví dụ: **DC\_7010102.docx**)
- Chuẩn đầu ra: CDR\_Mã số ngành.docx (Ví dụ: **CDR\_7520216.docx**)
- Phòng Đào tạo Đại học chỉ nhận dữ liệu từ Khoa; Khoa có trách nhiệm tổng hợp từ các bộ môn liên quan. Bản cứng nộp có đầy đủ chữ ký.
- Hội đồng Khoa học Khoa chịu trách nhiệm trước Nhà trường về tính chính xác của chương trình.
- Trong **Mẫu 5** phần Mô tả tóm tắt nội dung học phần cần phải đầy đủ tất cả các học phần theo chương trình đào tạo của từng ngành

Đề nghị các Khoa nghiêm túc thực hiện đúng thời hạn ./.

Nơi nhận: 10/3

- BGH (để b/c);
- Thông báo bằng tin, Website ĐTDH;
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, ĐTDH(8).



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
GS.TS *Bùi Xuân Nam*

### I. Hướng dẫn cập nhật thông tin chi tiết từng học phần

- File mẫu thao tác: **Mẫu 1**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng dòng dữ liệu theo từng cột thông tin trong file mẫu có sẵn (Tên học phần tiếng anh, Học phần tiên quyết, học phần trước, học phần song hành, Phân bổ tiết)
- Riêng phần các học phần tiên quyết, song hành, học trước: Mã học phần và tên học phần có thông tin trong file DMMH-ToanTruong.xlsx, Nếu điều kiện là nhiều môn thì nhập lần lượt và ngăn cách giữa các môn bằng ký tự (;)

### II. Hướng dẫn cập nhật đề cương chi tiết từng học phần

- File mẫu thao tác: **Mẫu 2**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu
- Riêng phần số tín chỉ học phần lưu ý: đối với học phần 2 tín chỉ học trong 8 tuần, 3 tín chỉ trở lên học trong 16 tuần

### III. Hướng dẫn so sánh chương trình đào tạo 4 năm với 5 năm

- File mẫu thao tác: **Mẫu 3**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu
- Khi so sánh 2 chương trình 4 năm và 5 năm của 1 chuyên ngành với nhau sẽ có
  - a. Phần giống nhau, tương đương, thay thế

| TT | Chương trình đào tạo 4 năm |                   |            | Chương trình đào tạo 5 năm |             |            |
|----|----------------------------|-------------------|------------|----------------------------|-------------|------------|
|    | Mã môn                     | Tên môn           | Số tín chỉ | Mã môn                     | Tên môn     | Số tín chỉ |
| 2  | 7010102                    | Đại số tuyến tính | 4          | 4010101                    | Đại số      | 3          |
| 3  | 7010103                    | Giải tích 1       | 4          | 4010102                    | Giải tích 1 | 4          |
| 4  | 7010104                    | Giải tích 2       | 4          | 4010103                    | Giải tích 2 | 3          |

- b. Phần có ở CTĐT 4 năm mà không có ở CTĐT 5 năm

| TT | Chương trình đào tạo 4 năm |                                |          | Chương trình đào tạo 5 năm |         |            |
|----|----------------------------|--------------------------------|----------|----------------------------|---------|------------|
|    | Mã m                       | Tên môn                        | Số tín c | Mã m                       | Tên môn | Số tín chỉ |
| 7  | 7090221                    | Ngoại ngữ chuyên ngành         | 3        |                            |         |            |
| 8  | 7090222                    | Nhập môn điều khiển thông minh | 3        |                            |         |            |
| 9  | 7070209                    | Quản lý dự án công nghiệp      | 3        |                            |         |            |
| 10 | 7090224                    | SCADA                          | 3        |                            |         |            |
| 11 | 7090225                    | Truyền thông công nghiệp       | 3        |                            |         |            |

- c. Phần có ở CTĐT 5 năm mà không có ở CTĐT 4 năm

| TT | Chương trình đào tạo 4 năm |         |          | Chương trình đào tạo 5 năm |                           |            |
|----|----------------------------|---------|----------|----------------------------|---------------------------|------------|
|    | Mã m                       | Tên môn | Số tín c | Mã m                       | Tên môn                   | Số tín chỉ |
|    |                            |         |          | 4090107                    | An toàn điện              | 2          |
|    |                            |         |          | 4090125                    | Nhà máy điện              | 2          |
|    |                            |         |          | 4090126                    | Cơ sở cung cấp điện       | 2          |
|    |                            |         |          | 4090224                    | Phương pháp lập trình CNC | 2          |

### IV. Hướng dẫn cập nhật thông tin chuẩn đầu ra từng ngành

- File mẫu thao tác: **Mẫu 4**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu



- Lưu ý: Mã số ngành có trong quyết định ban hành chương trình đào tạo số 830 ngày 29/6/2018

**V. Rà soát chương trình đào tạo 4 năm**

- File thao tác: **CTDT\_4 năm ra soát**
- Mở file và tìm đến bảng tính theo mã số ngành đào tạo, Kiểm tra và ghi chú các thông tin không hợp lý cần điều chỉnh tương ứng vào cột Ghi chú.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 254/ QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo  
Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2018 - 2023

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-MĐC ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2018 - 2023;

Xét nhu cầu công tác và năng lực cán bộ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2018 - 2023 gồm 21 thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất hoạt động theo quy định tại Điều 20 của Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

**Điều 3.** Quyết định này thay thế Quyết định số 1070/QĐ-MĐC ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng Phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

#### Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB<sub>(01)</sub>.



HIỆU TRƯỞNG

*[Handwritten signature]*



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT NHIỆM KỲ 2018 - 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 254 /QĐ-MĐC ngày 28 tháng 4 năm 2020)

| Số TT | Họ và tên                | Đơn vị, chức vụ                                                | Ghi chú         |
|-------|--------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1     | GS.TS Trần Thanh Hải     | Hiệu trưởng                                                    | Chủ tịch HĐ     |
| 2     | GS.TS Bùi Xuân Nam       | Phó Hiệu trưởng                                                | Phó Chủ tịch HĐ |
| 3     | PGS.TS Trần Xuân Trường  | Chủ tịch Hội đồng Trường                                       | Ủy viên         |
| 4     | PGS.TS Triệu Hùng Trường | Phó Hiệu trưởng                                                | Ủy viên         |
| 5     | PGS.TS Nguyễn Đức Khoát  | Trưởng phòng Đào tạo Đại học                                   | UV, Thư ký      |
| 6     | PGS.TS Lương Quang Khang | Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học                               | Ủy viên         |
| 7     | PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh | Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ                                  | Ủy viên         |
| 8     | TS Phạm Văn Tuấn         | Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục   | Ủy viên         |
| 9     | TS Trần Thị Phúc An      | Trưởng khoa Lý luận chính trị                                  | Ủy viên         |
| 10    | PGS.TS Đỗ Ngọc Anh       | Trưởng phòng Khoa học - Công nghệ                              | Ủy viên         |
| 11    | TS Lê Hồng Anh           | Trưởng khoa Công nghệ thông tin                                | Ủy viên         |
| 12    | PGS.TS Đỗ Văn Bình       | Trưởng khoa Môi trường                                         | Ủy viên         |
| 13    | TS Công Tiến Dũng        | Trưởng khoa Khoa học cơ bản                                    | Ủy viên         |
| 14    | TS Trần Thủy Dương       | Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai               | Ủy viên         |
| 15    | TS Nguyễn Tiến Dũng      | Trưởng khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất                      | Ủy viên         |
| 16    | PGS.TS Phạm Văn Hòa      | Trưởng khoa Mỏ                                                 | Ủy viên         |
| 17    | TS Công Ngọc Thắng       | Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng Chương trình tiên tiến | Ủy viên         |
| 18    | TS Bùi Thị Thu Thủy      | Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh                      | Ủy viên         |
| 19    | PGS.TS Khổng Cao Phong   | Trưởng khoa Cơ - Điện                                          | Ủy viên         |
| 20    | Thượng tá Phạm Quốc Đàm  | Phó Trưởng khoa phụ trách khoa Giáo dục quốc phòng             | Ủy viên         |
| 21    | PGS.TS Nguyễn Thế Vinh   | Trưởng khoa Dầu khí                                            | Ủy viên         |

Danh sách này có 21 người./.

Số: 26/BBHĐKHĐT-MDC

## **BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG** **Về việc rà soát và hoàn thiện Chương trình đào tạo theo định hướng CDIO**

### **I. THÀNH PHẦN**

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường: Các thành viên Hội đồng kèm theo Quyết định số 254/QĐ-MĐC, ngày 28/4/2020 về việc kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2018-2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Thời gian: 8h00, ngày 25 tháng 6 năm 2020

Địa điểm: Phòng họp 310, trường Đại học Mỏ - Địa chất.

### **II. NỘI DUNG**

1. GS.TS Trần Thành Hải - Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường giới thiệu nội dung cuộc họp: Về việc rà soát và hoàn thiện Chương trình đào tạo theo định hướng CDIO. Chương trình đào tạo của ngành được xây dựng theo chương trình khung trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. PGS.TS. Nguyễn Đức Khoát - Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Ủy viên, Thư ký Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất, đại diện cho Hội đồng. Trình bày những nội dung sau:

- Trình bày tóm tắt nội dung quá trình xây dựng, rà soát và bổ sung đầy đủ thông tin của 21 ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy: Chuẩn đầu ra, Đề cương chi tiết học phần; Bảng so sánh chương trình đào tạo 4 năm với 5 năm và 4,5 năm theo từng chuyên ngành; Sơ đồ trình tự các học phần theo đặc thù của ngành/chuyên ngành, học phần học trước, sau...

### **III. CÁC Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

1. PGS. TS Nguyễn Đức Khoát - Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Ủy viên, Thư ký Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Mục tiêu chương trình đào tạo các ngành phù hợp với điều kiện thực tế. Nội dung của chương trình thể hiện sự công phu và kế thừa trong việc rà soát, bổ sung và xây dựng.

Cấu trúc và nội dung chương trình được lựa chọn và sắp xếp có hệ thống, đảm bảo tính logic, gắn kết với nhau, đề cương chi tiết học phần cụ thể và chi tiết.

Các học phần được xây dựng theo chương trình đào tạo về cơ bản được thiết kế khoa học, logic và đáp ứng được nội dung của các môn học.

Đồng ý thông qua chương trình đào tạo của các ngành.

2. Thượng tá Phạm Quốc Đảm - Phó Trường khoa phụ trách khoa Giáo dục quốc phòng, Ủy viên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mở - Địa chất

Khoa Giáo dục Quốc phòng biên soạn đề cương chi tiết học phần cho các ngành theo đúng thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 về việc Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

Gồm 4 học phần và tổng thời lượng là 11 tín chỉ.

3. TS. Trần Phúc An - Trưởng Khoa Lý luận chính trị, Ủy viên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mở - Địa chất.

Chương trình đào tạo các ngành được xây dựng theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình đào tạo có cấu trúc và nội dung được lựa chọn và sắp xếp có hệ thống, đảm bảo thời lượng theo quy định.

Khoa Lý luận chính trị thực hiện đúng theo hướng dẫn của Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị.

Gồm 5 học phần và thời lượng 11 tín chỉ.

Đồng ý tất cả các chương trình đào tạo thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.

4. PGS.TS Trần Xuân Trường – Chủ tịch Hội đồng trường, Ủy viên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mở - Địa chất.

Các ngành rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo theo định hướng CDIO được xây dựng phù hợp với quy chế đào tạo hệ Đại học chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời chương trình được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của Trường Đại học Mở - Địa chất trong lĩnh vực đào tạo cũng như phù hợp với xu thế đào tạo hiện hành.

Nội dung đáp ứng được mục tiêu, phù hợp với trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội đất nước.

Nhất trí thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.

5. TS. Lê Hồng Anh - Trưởng khoa Công nghệ thông tin, Ủy viên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mở - Địa chất.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin có cấu trúc và nội dung được lựa chọn và sắp xếp có hệ thống, đảm bảo tính logic đã gắn kết với nhau, các môn học được lựa chọn tương đối phù hợp.

Nội dung chương trình đào tạo đầy đủ kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành đối với kỹ sư ngành Công nghệ thông tin.

6. TS. Công Tiến Dũng - Trưởng khoa Khoa học cơ bản, Ủy viên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mở - Địa chất.

Riêng các học phần Giáo dục thể chất Bộ môn Giáo dục thể chất đã xây dựng theo Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học. Gồm 3 học phần và thời lượng 3 tín chỉ

Đồng ý tất cả các chương trình đào tạo thông qua Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường.

7. GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Mở - Địa chất

Chương trình đào tạo các ngành được xây dựng có mục tiêu rõ ràng, đảm bảo đào tạo sinh viên có kiến thức đại cương và chuyên ngành.

Kế hoạch đào tạo được sắp xếp và phân phối khá hợp lý, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên.

Nhất trí thông qua Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường

#### **IV. PHẢN TRẢ LỜI CỦA HỘI ĐỒNG**

**PGS. TS Nguyễn Đức Khoát - Trưởng phòng Đào tạo Đại học; Ủy viên, Thư ký của Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Mở - Địa chất**

Giải thích đầy đủ và chi tiết những ý kiến đóng góp của thành viên Hội đồng:

- Trao đổi và làm rõ một số vấn đề mà các thành viên của hội đồng đưa ra; Tóm tắt việc chuẩn bị kỹ lưỡng từ việc rà soát thường xuyên tới việc phân công các cán bộ tham gia xây dựng các nội dung của chương trình đào tạo.

- Tiếp thu các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, Ban xây dựng rà soát chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo theo định hướng CDIO

+ Tiếp thu các ý kiến đóng góp và sẽ chỉ đạo các ngành chỉnh sửa những thiếu sót trong Chương trình đào tạo;

+ Chỉ đạo các Khoa trực tiếp chỉnh sửa các chương trình đào tạo theo những đóng góp của Hội đồng;

+ Đề nghị phòng Đào tạo Đại học xác định rõ các học phần đã chỉnh sửa.

#### **V. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG**

Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, GS.TS Trần Thanh Hải tổng kết các ý kiến của các thành viên trong Hội đồng và kết luận:

- Đồng ý các yêu cầu rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo theo định hướng CDIO.

- Các Khoa chuyên môn hoàn chỉnh những nội dung đã góp ý.
- Phòng Đào tạo Đại học phối hợp với các Khoa hoàn thiện bộ chương trình đào tạo và trình Nhà trường ra quyết định.

**THƯ KÝ**



**PGS. TS Nguyễn Đức Khoát**

**CHỦ TỌA**



**HIỆU TRƯỞNG**  
**GS.TS Trần Thanh Hải**

Số: 537/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ**  
**đại học chính quy 4,5 năm của các ngành đào tạo**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ"

Căn cứ Quyết định số 830/QĐ-MĐC ngày 29/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy 4 năm;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Thông báo số 128/TB-MĐC ngày 17/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo theo định hướng CDIO;

Căn cứ vào Biên bản số 26/BBHĐKHĐT-MĐC họp Hội đồng khoa học và đào tạo ngày 25 tháng 06 năm 2020 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy 4,5 năm của các ngành đào tạo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: *lekt*

- Như điều 3 (đề t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH<sub>(8)</sub>



GS.TS Trần Thanh Hải

**DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**  
(Kèm theo Quyết định số **535/QĐ-MĐC** ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ-Địa chất)

| TT | Mã số   | Tên ngành                      | Chuyên ngành                                         |
|----|---------|--------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1  | 7340101 | Quản trị kinh doanh            | 1.1. Quản trị kinh doanh                             |
|    |         |                                | 1.2. Quản trị kinh doanh Dầu khí                     |
|    |         |                                | 1.3. Quản trị kinh doanh Mỏ                          |
|    |         |                                | 1.4. Quản trị thương mại điện tử                     |
| 2  | 7340301 | Kế toán                        | 2.1. Kế toán doanh nghiệp                            |
|    |         |                                | 2.2. Kế toán tài chính công                          |
| 3  | 7340201 | Tài chính - Ngân hàng          | 3.1. Tài chính doanh nghiệp                          |
| 4  | 7480201 | Công nghệ thông tin            | 4.1. Tin học Kinh tế                                 |
|    |         |                                | 4.2. Công nghệ phần mềm                              |
|    |         |                                | 4.3. Mạng máy tính                                   |
|    |         |                                | 4.4. Khoa học máy tính ứng dụng                      |
|    |         |                                | 4.5. Công nghệ thông tin địa học                     |
|    |         |                                | 4.6. Hệ thống thông tin                              |
| 5  | 7510401 | Công nghệ kỹ thuật hóa học     | 5.1. Lọc - Hóa dầu                                   |
| 6  | 7520103 | Kỹ thuật cơ khí                | 6.1. Máy và Thiết bị mỏ                              |
|    |         |                                | 6.2. Máy và Tự động thủy khí                         |
|    |         |                                | 6.3. Công nghệ chế tạo máy                           |
|    |         |                                | 6.4. Cơ khí ô tô                                     |
| 7  | 7520201 | Kỹ thuật điện                  | 7.1. Điện công nghiệp                                |
|    |         |                                | 7.2. Hệ thống điện                                   |
|    |         |                                | 7.3. Điện - Điện tử                                  |
|    |         |                                | 7.4. Điện khí hóa mỏ                                 |
| 8  | 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động | 8.1. Tự động hóa                                     |
| 9  | 7520320 | Kỹ thuật môi trường            | 9.1. Địa sinh thái và Công nghệ môi trường           |
|    |         |                                | 9.2. Kỹ thuật môi trường                             |
| 10 | 7520501 | Kỹ thuật địa chất              | 10.1. Kỹ thuật địa chất                              |
|    |         |                                | 10.2. Địa chất công trình - Địa kỹ thuật             |
|    |         |                                | 10.3. Địa chất thủy văn - Địa chất công trình        |
|    |         |                                | 10.4. Nguyên liệu khoáng                             |
|    |         |                                | 10.5. Địa chất thăm dò                               |
| 11 | 7520502 | Kỹ thuật địa vật lý            | 11.1. Địa vật lý                                     |
| 12 | 7520503 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ     | 12.1. Trắc địa                                       |
|    |         |                                | 12.2. Trắc địa mỏ - công trình                       |
|    |         |                                | 12.3. Địa chính                                      |
|    |         |                                | 12.4. Bản đồ                                         |
|    |         |                                | 12.5. Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý |
|    |         |                                | 12.6. Trắc địa - bản đồ                              |
| 13 | 7520601 | Kỹ thuật mỏ                    | 13.1. Khai thác mỏ                                   |
| 14 | 7520604 | Kỹ thuật dầu khí               | 14.1. Khoan khai thác                                |
|    |         |                                | 14.2. Khoan thăm dò - khảo sát                       |
|    |         |                                | 14.3. Thiết bị dầu khí                               |

|    |         |                       |                                                    |
|----|---------|-----------------------|----------------------------------------------------|
|    |         |                       | 14.4. Địa chất dầu khí                             |
| 15 | 7520607 | Kỹ thuật tuyển khoáng | 15.1. Tuyển khoáng và Tuyển - luyện quặng kim loại |
| 16 | 7580201 | Kỹ thuật xây dựng     | 16.1. Xây dựng công trình ngầm và mỏ               |
|    |         |                       | 16.2. Xây dựng công trình ngầm                     |
|    |         |                       | 16.3. Xây dựng dân dụng và công nghiệp             |
|    |         |                       | 16.4. Xây dựng hạ tầng cơ sở                       |
| 17 | 7850103 | Quản lí đất đai       | 17.1. Quản lí đất đai                              |
| 18 | 7440201 | Địa chất học          | 18.1. Địa chất học                                 |
|    |         |                       | 18.2. Địa chất đô thị                              |
| 19 | 7520301 | Kỹ thuật Hóa học      | 19.1. Lọc - Hóa dầu                                |
| 20 | 7580211 | Địa kỹ thuật xây dựng | 20.1. Địa kỹ thuật xây dựng                        |
| 21 | 7480206 | Địa tin học           | 21.1. Địa tin học                                  |